TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH CHƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/3/2023
V/v tranh chấp: " Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH CHƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Trọng Sơn.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hiền, ông Hoàng Văn Bình

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Anh Thư. Thư ký, Toà án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương tham gia phiên tòa: Bà; Nguyễn Thị Trà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2023/TLST-HNGĐ, ngày 06/02/2023, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXX-ST, ngày 15/3/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà; Nguyễn Thị Th, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn Lĩnh Trường, xã TL, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Có mặt

2. *Bị đơn:* Ông; Nguyễn Tiến N, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn Lĩnh Trường, xã TL, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Th trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th kết hôn với ông Nguyễn Tiến N vào ngày 26/10/1987, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đi đến kết hôn và cưới hỏi, đến nay bà cũng không nhớ lúc đó có đi đăng ký kết hôn tại chính quyền hay không, bà không rõ nữa. Sau khi kết hôn hai người sống với nhau tại xã TL,

huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An; tình cảm vợ chồng bình thường cho đến năm 1997 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyễn nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 1998 cho đến nay.

Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên xin được ly hôn ông Nguyễn Tiến N.

- Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung với nhau tên là Nguyễn Tiến Phượng, sinh ngày 20/02/1989 và cháu Nguyễn Tiến Công, sinh ngày 01/01/1991. Hiện nay hai cháu đã lập gia đình ra ở riêng cả rồi; nên bà không có ý kiến hay yêu cầu gì về con cái.

- Về tài sản và nợ: Bà Nguyễn Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã triệu tập để công khai chứng cứ và hòa giải, song ông Nguyễn Tiến N vắng mặt, cho nên không thể thực hiện được việc công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại biên bản tự khai ngày 29/11/2022 ông Nguyễn Tiến N đã trình bày: Ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Th tự nguyện vào ngày 26/10/1987 tại xã TL, huyện Thanh Chương, hai người đã chung sống với nhau được 35 năm rồi và sinh được 02 người con trai tên là Nguyễn Tiến Phượng, sinh ngày 20/02/1989; Nguyễn Tiến Công, sinh ngày 01/01/1991; hai con đã trưởng thành, nên ông không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay vợ chồng có nhiều khúc mắc trong cuộc sống, nên không thể sống được với nhau, nên đồng ý ly hôn để giải thoát cho vợ chồng. Về tài sản ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về mặt thủ tục tố tụng. Còn về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Tiến N không phải là vợ chồng; về con cái không xem xét; Về tài sản không xem xét; các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn để công khai chứng cứ và hòa giải, song do ông Nguyễn Tiến N vắng mặt, cho

nên không thể thực hiện việc hòa giải và công khai chứng cứ. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt, cho nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử bình thường theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 06/12/2022, hai ông bà đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho hai người; song Tòa án đã yêu cầu hai bà cung cấp chứng cứ là tại thời điểm năm 1987, hai ông bà đã có đăng ký kết tại UBND xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật; nhưng hai ông bà không cung cấp được; Tòa án đã tiến hành xác minh, kết quả cho thấy không có chứng cứ nào chứng minh hai người có đăng ký kết tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền; cho nên không thể công nhận thuận tình ly hôn của hai người được

Cuộc hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Tiến N, được xác lập trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống tại xã TL, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.Vợ chồng sống tình cảm bình thường đến năm 1997 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung; mâu thuẫn trầm trọng là vào năm 1998, nên hai người đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập để công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà Nguyễn Thị Th vẫn nhất quyết xin ly hôn, còn ông Nguyễn Tiến N vắng mặt, nhưng tại bản tự khai ông cũng nhất trí ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, việc xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Th, là hoàn toàn phù hợp với Điều 51; 56 Luật hôn nhân và gia đình. Song do hai người không có đăng ký kết hôn, nên cần áp dụng Điều 14; 53; 54 Luật hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận là vợ chồng.

[3] Về trách nhiệm nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung với nhau tên là Nguyễn Tiến Phượng, sinh ngày 20/02/1989 và Nguyễn Tiến Công, sinh ngày 01/01/1991. Các con đã thành niên và không có yêu cầu gì; nên Tòa án không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết về phần tài sản.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên ;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điều 147; 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 14; 15; 51; 53; 54; 56 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Tiến N, là vợ chồng.

2. *Về trách nhiệm nuôi con*: Không xem xét

3. *Về chia tài sản chung*: Tòa án không xem xét.

4. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Th, phải chịu: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí xin ly hôn. Bà Nguyễn Thị Th, được trừ đi 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009313, ngày 06/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn, có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận :
- *TAND tỉnh Nghệ An*
- *VKS huyện Thanh Chương*
- *Chi cục THA dân sự*
- *Các đương sự*
- *UBND xã Thanh Thịnh*
- *Lưu HS, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Trọng Sơn